TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THUỶ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HS-ST
Ngày: 12 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Như Kiều

2/ Ông Võ Xuân Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hol - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà***: Ông Mai Văn Lực - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS, ngày 03 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 56/2023/TB-TA ngày 19 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn Q, sinh năm 1981, tại Vị Thủy, Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm thuê; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ học vấn: (không biết chữ); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị C; anh chị em ruột: 07 người; sống chung như vợ chồng với chị Lê Thị T; có 03 người con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014); không có tiền án; tiền sự: Ngày 04/4/2022 bị Công an xã Vị Đông xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đã nộp phạt; bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Huỳnh Cao C là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H, có mặt.

Bị hại: Bà Sử Thị H, sinh năm 1959, nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh H, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên quan đến vụ án:

- Ông Trần Thế P, sinh năm 1985, nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh H, có mặt.

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh H, có mặt.

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1988, nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh H, có mặt.

- Ông Lương Văn T, sinh năm 1965, nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh H (đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Đặng Đình T, sinh năm 1971, nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ, ngày 15/7/2022, bị cáo Lê Văn Q ngồi uống nước cùng Trần Thế P tại nhà của bị cáo. Trong lúc đang uống rượu thì bị cáo thấy con chó lông màu đen, nặng khoảng 04kg của bà Sử Thị H đi qua nên nảy sinh ý định bắt trộm để bán lấy tiền. Lúc này, bị cáo nói với Trần Thế P điện thoại cho Lê Thị L với nội dung có con chó muốn bán với giá 200.000 đồng. Lê Thị L trả lời không có tiền, để xin gạo từ thiện rồi đổi lấy gạo thì bị cáo đồng ý. Sau đó, bị cáo dùng tay bắt con chó và đưa cho Trần Thế P ôm, giấu vào trong áo khoác. Bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65P9-1574 của bị cáo chở Trần Thế P ôm con chó tới phòng trọ của chị Lê Thị L để đưa cho chị Lựu rồi về. Khoảng 03 đến 04 ngày sau, chị Lê Thị L điện thoại cho bị cáo đến phòng trọ của chị Lê Thị L để lấy 10kg gạo, 01 bịch đường, 01 bịch bột ngọt, 01 chai nước tương và 01 lon sữa. Ngoài ra chị Lê Thị L còn đưa cho bị cáo thêm 05kg gạo để cho Trần Thế P ăn khi ở nhà bị cáo. Khi nhận được các tài sản này, bị cáo mang về nhà để sử dụng. Sau khi phát hiện bị mất con chó, bà Sử Thị H được chị Lê Thị T nói cho biết về việc bị cáo bắt con chó đưa cho Trần Thế P, ngày 08/8/2022 bà Sử Thị H trình báo sự việc đến Công an xã Vị Đông.

Kết luận định giá tài sản số: 27/KL-HĐ-ĐGTS, ngày 28/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Vị Thủy kết luận: 01 (một) con chó lông

màu đen, nặng khoảng 04kg, bị mất ngày 15/7/2022 có giá trị khoảng 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Qua xác minh, bị cáo Lê Văn Q có 01 tiền sự, ngày 04/4/2022 bị Công an xã Vị Đông xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản (bị cáo nộp phạt ngày 19/4/2023).

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS-HVT, ngày 02/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn Q về tội trộm cắp tài sản, theo điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội trộm cắp tài sản; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với các phương tiện dùng vào việc phạm tội bao gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát 65P9-1574, 01 điện thoại di động hiệu Bontel của Trần Thế P; Đối với 10kg gạo, 01 bịch bột ngọt, 01 bịch đường, 01 chai nước tương, 01 lon sữa là tài sản do mua bán, đổi chác tài sản phạm tội mà có mà bị cáo đã sử dụng hết. Theo kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐ.ĐGTS ngày 11/4/2023 có giá trị là 265.000 đồng nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

- Về trách nhiệm dân sự, không ai có yêu cầu nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm tranh luận: Thống nhất tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát truy tố nhưng mức đề xuất hình phạt đối với bị cáo là tương đối nặng. Bị cáo thành phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ, bị cáo không biết chữ nên nhận thực pháp luật có phần hạn chế, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và có nơi cư trú ổn định, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp phạt đối với quyết định xử phạt vi phạt hành chính ngày 04/4/2022 của Công an xã Vị Đông. Do đó, đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 cho bị cáo hưởng hình phạt thấp nhất và được hưởng án treo; Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65P9-1574 mặc dù là vật

chứng của vụ án liên quan đến hành vi phạm tội nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng, là tài sản duy nhất trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cho bị cáo nhận lại tài sản này.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin nhận lại xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy ông Lương Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Đặng Đình T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Vào khoảng 15 giờ, ngày 15/7/2022, tại ấp 3, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, bị cáo Lê Văn Q đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó của bà Sử Thị H. Tại kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐ-ĐGTS ngày 28/10/2022 xác định tài sản bị cáo trộm được có giá trị là 200.000 đồng. Sau khi trộm được tài sản (01 con chó) bị cáo đã đổi lấy 10kg gạo, 01 bịch bột ngọt, 01 bịch đường, 01 chai nước tương, 01 lon sữa và mang về nhà sử dụng. Trước đó, ngày 04/4/2022 bị cáo Lê Văn Q đã bị Công an xã Vị Đông, huyện Vị Thủy xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Đến thời điểm vi phạm ngày 15/7/2022 thì bị cáo Lê Văn Q vẫn chưa hết thời gian được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về

hành vi hành vi "trộm cắp tài sản" lại tiếp tục trộm cắp tài sản. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi lấy trộm tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng cố ý thực hiện. Mặc dù, giá trị tài sản bị cáo trộm được dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, hành vi của bị cáo đã thực hiện là đủ yếu tố cấu thành "tội trộm cắp tài sản", theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng quy định pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[4.1] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi lấy trộm tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, nhưng cố ý thực hiện, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Mặc dù giá trị tài sản bị cáo trộm dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo thuộc trường hợp đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm.

[4.2] Về tiền án, tiền sự, nhân thân bị cáo: Bị cáo không có tiền án; về tiền sự thì ngày 04/4/2022, bị cáo bị Công an xã Vị Đông xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với số tiền 1.500.000 đồng, đến ngày 19/4/2023 bị cáo mới nộp phạt.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là lao động chính trong gia đình và đang nuôi con nhỏ, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và có nơi cư trú ổn định, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo cũng đã tự nguyện nộp phạt đối với quyết định xử phạt vi phạt hành chính ngày 04/4/2022 của Công an xã Vị Đông. Do đó, bị cáo được

hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề xuất mức hình phạt là tương xứng với hành vi và hậu quả bị cáo gây ra cho xã hội. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ nhưng đối với đề nghị cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất là chưa có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo. Do đó, cần có một mức án nghiêm khắc để thử thách bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền. Bị cáo thuộc trường hợp hộ cận nghèo, không có nghề nghiệp, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Xử lý vật chứng:

[6.1] 01 xe mô tô biển kiểm soát 65P9-1574 là tài sản của bị cáo mua của ông Đặng Đình T, ông Đặng Đình T mua của ông Lương Văn T (giấy đăng ký mô tô, xe máy có tên chủ xe Lương Văn T). Chị Lê Thị T đang sống chung như vợ chồng với bị cáo, khi bị cáo sử dụng vào việc phạm tội thì chị Lê Thị T có chứng kiến nhưng không ngăn cản. Do đó, người bào chữa đề nghị cho bị cáo nhận lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 65P9-1574 là không phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Trường hợp xảy ra tranh chấp xe mô tô biển kiểm soát 65P9-1574 giữa bị cáo với ông Đặng Đình T và ông Lương Văn T thì giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6.2] 01 điện thoại di động hiệu Bontel của Trần Thế P là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6.3] Đối với 10kg gạo, 01 bịch bột ngọt, 01 bịch đường, 01 chai nước tương, 01 lon sữa là tài sản do mua bán, đổi chác tài sản phạm tội mà có và bị cáo đã sử dụng hết các tài sản này nên phải buộc bị cáo nộp lại giá trị tương ứng. Theo kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐ.ĐGTS ngày 11/4/2023 thì tổng giá trị tài sản là 265.000 đồng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

[6.4] Do đó, hướng đề xuất xử lý vật chứng của kiểm sát viên là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu nên không xem xét.

[8] Đối với bà Lê Thị L khi trao đổi tài sản với bị cáo nhưng không biết tài sản bị cáo đem trao đổi do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý. Đối với chị Lê Thị T có hành vi che dấu tội phạm nhưng chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không xử lý.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 292, 298, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn Q phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2023).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát 65P9-1574 nhãn hiệu IMOTO màu đỏ đen, số máy NHMT00004800, số khung HIND661D04800 đã qua sử dụng (vật chứng đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo Quyết định chuyển vật chứng số 07/QĐ-VKS ngày 02/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị

Thủy và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/3/2023 giữa Công an huyện Vị Thủy với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động, hiệu Bontel, màu đen, viền đỏ, số IMEI1 là 356789082547751, số EMEI2 là 356789082547769, tình trạng đã cũ, đã qua sử dụng của Trần Thế P (vật chứng đang được bảo quản tại Công an huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, theo Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 03/4/2023 của Công an huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang).

Buộc bị cáo Lê Văn Q nộp lại giá trị tài sản do mua bán, đổi chác tài sản phạm tội mà có với số tiền là 265.000 đồng (hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; người liên quan;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- CQĐT Công an huyện Vị Thủy;
- CQ THAHS nơi bị cáo cư trú;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Cổng TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Quyền Trân